

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM  
(Ngày 16 tháng 12 năm 2023)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Tống Thị Thúy; Ngày tháng năm sinh: 12/7/1968
  - Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu Trưởng
  - Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Sơn Ca
  - Nơi thường trú: Khu phố đông An Thị Trấn Tân Hiệp - Tân Hiệp- Kiên Giang
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 091168009211 ngày cấp 20/8/2021 nơi cấp Kiên Giang
2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập
  - Họ và tên: Tạ Văn Lam; Ngày tháng năm sinh: 5/10/1959
  - Nghề nghiệp: Tự do
  - Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Khu phố đông An Thị Trấn Tân Hiệp - Tân Hiệp- Kiên Giang
  - Nơi thường trú: Khu phố đông An Thị Trấn Tân Hiệp - Tân Hiệp- Kiên Giang
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 371563930 ngày cấp 11/2/2009 nơi cấp Kiên Giang
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

- 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

- 1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>
- Diện tích<sup>(9)</sup>:
- Giá trị<sup>(10)</sup>:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>:
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>:

- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

- 1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:.....

- Diện tích:.....
- Giá trị <sup>(10)</sup>;.....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở

- Địa chỉ: - Nơi thường trú: Khu phố đông An Thị Trấn Tân Hiệp - Tân Hiệp-Kiên giang

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: 50m
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 300.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nhà ở bờ sông cái sắn không có giấy chứng nhận

- Thông tin khác (nếu có):Nhà ở bờ sông cái sắn

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác <sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ:.....
- Loại công trình: ..... cấp công trình: .....
- Diện tích:.....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản.....Số đăng ký: ..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 214.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy,			

thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).		
8. Tài sản ở nước ngoài.		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .	214.000.000đ	

*Tân hiệp, ngày tháng 12 năm 2023*  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

*Tân hiệp, ngày 16 tháng 12 năm 2023*  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

**Tống Thị Thúy**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 18 tháng 12 năm 2023)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phan Thị Thúy Ngân Ngày tháng năm sinh: 05/11/1981

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Sơn Ca

- Nơi thường trú: Số nhà 154A, Tổ 4, ấp kinh 9 A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 040181023452 ngày cấp 09/01/2022 nơi cấp Tỉnh Kiên Giang

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Tèo

Ngày tháng năm sinh: 23/5/1981

- Nghề nghiệp: Thợ hồ

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: ấp kinh 9 A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Nơi thường trú: Số nhà 154A, Tổ 4, ấp kinh 9 A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091081004270 ngày cấp 21/12/2021 nơi cấp Kiên Giang

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Thị Thúy Hà

Ngày tháng năm sinh: 05/03/2009

- Nơi thường trú: Số nhà 154A, Tổ 4, ấp kinh 9 A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:.....  
..... ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Thổ cư

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: ấp kinh 9 A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 330 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 90.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: CH00167, do UBND Huyện cấp ngày 14/12/2010

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Trần Tèo( Là người đứng tên quyền sử dụng)

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:.....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà<sup>(14)</sup>:
- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>:
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>:  
Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:.....Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 199.515.080 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 199.515.080 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 80.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			



<p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>			
		199.515.080	

Tân Hiệp, ngày tháng năm 2023.  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

Tân Hiệp, ngày 18 tháng 12 năm 2023  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phan Thị Thúy Ngân**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
(Ngày 18 tháng 12 năm 2023)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hoàng Lan

Ngày tháng năm sinh: 8/8/1988

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Sơn Ca

- Nơi thường trú: 365, kinh 3A, Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 091188007251  
ngày cấp 02/01/ 2023 nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trương Văn Sỹ

Ngày tháng năm sinh: 4/7/1988

- Nghề nghiệp: Văn thư

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Trường Mẫu giáo Tân An

- Nơi thường trú: 365, kinh 3A, Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091088015768  
ngày cấp 02/01/ 2023 nơi cấp Công an tỉnh Kiên Giang.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trương Lạn Khanh Ngày tháng năm sinh: 31/3/2016

- Nơi thường trú: 365, kinh 3A, Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: chưa có

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Trương Gia Khôi Ngày tháng năm sinh: 2/1/2022

- Nơi thường trú: 365, kinh 3A, Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: chưa có

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: không

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: không

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....

- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>:

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: không

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng: không

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....
- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: không

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị: .....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị: .....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị: .....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 180.000.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 100.000.000
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 50.000.000
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không
- Tổng các khoản thu nhập chung: 30.000.000

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			

<p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		180.000.000	
---	--	-------------	--

Tân Hiệp, ngày...tháng...năm...  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tân Hiệp, ngày 18 tháng 12 năm 2023  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Hoàng Lan**

